

## TÓM TẮT

Nhìn chung địa lý tự nhiên, địa mạo và khí hậu

Trong chương này tác giả muốn giới thiệu hình dáng địa lý tự nhiên của khu vực nghiên cứu “Đông Nam Á” ngày nay và trong tiền sử. Địa lý tự nhiên cổ và khí hậu cổ đóng một vai trò quan trọng trong việc tìm hiểu lịch sử cư trú ở khu vực này.

Hình dạng bờ biển được thay đổi nhiều lần do mực nước biển lên xuống qua nhiều thời kỳ. Trong những thời kỳ băng hà ở Pleistocene, các vùng ven biển của các miền Sunda và Sahul lộ ra biển, tạo ra các khu vực thích hợp với sự cư trú của người tiền sử được mở rộng.

Điều kiện môi trường này chắc đã tạo nên một nền kinh tế tương ứng, mà trong đó phải chú ý đến sự giải thích loại và vị trí của di tích. Cho đến nay, người ta vẫn chưa kết luận chính xác được về sự ảnh hưởng của khí hậu cổ vào thực vật và môi trường sống ở Đông Nam Á.

Dựa vào những kết quả khai quật có ý kiến cho rằng hệ động vật cổ cũng giống nhiều loại động vật ngày nay.

### Cấu tạo dân số

Theo loại hình dạng học ở Đông Nam Á thì dạng người Mongoloid là phổ biến ở Đông và Bắc Đông Nam Á, dạng người Australoid gồm Aborigines ở nước Úc, người Melanesia và cư dân gốc Negrito ở Philippin, Thái Lan và Malaixia.

Điều có ý nghĩa đặc biệt đối với các nhà nghiên cứu tiền sử là lối sống của các nhóm săn bắt hái lượm còn tồn tại cho đến ngày nay ở vài khu vực rừng nhiệt đới cho phép kết luận đây cũng giống sự sống của con người thời đại đồ đá muộn

ở Đông Nam Á. Các truyền thống và văn hóa vật chất của Sakai Orang Asli ở miền Nam Thái Lan và Malaixia cho thấy rằng, người xưa đã chế tạo rất nhiều công cụ, đồ dùng hàng ngày bằng nguyên liệu thực vật có thời hạn sử dụng hạn chế. Dĩ nhiên con người trong thời đại đồ đá cũng đã chế tạo nhiều đồ dùng từ nguyên liệu hữu cơ. Phần lớn đồ đá được phát hiện ở nhiều địa điểm của thời đại đồ đá không phải là một hình ảnh thật của loại đồ của con người xưa.

Hoabinhian – nhìn lại nghiên cứu lịch sử và định nghĩa

Khái niệm “Hoabinhian” đưa ta trở lại với các cuộc khai quật của Madeleine Colani trong những năm 20 và 30 ở tỉnh Hòa Bình, miền Bắc Việt Nam, phía Tây Nam Hà Nội. Năm 1932, tại hội nghị tiền sử Viễn Đông lần thứ nhất diễn ra ở Hà Nội, khái niệm “Hoabinhian” đã được xác định là một văn hóa của thời đại đồ đá giữa. Những nhận thức mới thu được trong những thập kỷ gần đây về thời kỳ đồ đá muộn ở Đông Nam Á đòi hỏi có một định nghĩa mới về “Hoabinhian”. Vấn đề chính của chương này là những kết quả được soạn thảo trong hội nghị “Le Hoabinhian 60 ans après Madeleine Colani, Conférence Anniversaire – Hanoi” vào năm 1993-1994.

Tài liệu về các cuộc khai quật riêng lẻ trước năm 1960 được đánh giá khác nhau, nên chưa được thoả mãn.

Người ta có thể nhìn thấy rõ chỉ một số các di tích có lớp đất cấu tạo theo mặt cắt ngang. Hầu hết trong các hang động và mái đá lở đất trên bị phá hủy do hoạt động của dân cư trú từ thời đại đồ đá mới đến

ngày nay. Cho đến nay có hơn 150 di tích Hoabinhian được tìm thấy ở Đông Nam Á. Di tích đặc trưng nhất là hang động và mái đá nằm chủ yếu trong vùng núi karst của Đông Nam Á. Di chỉ ngoài trời của Hoabinhian được tìm thấy rất ít. Công cụ đặc biệt của Hoabinhian là loại công cụ được làm từ một hòn đá cuội ghè một mặt gọi là Sumatralith và công cụ rìu ngắn được làm từ một nửa của hòn đá cuội hình bầu dục cũng thường được ghè một mặt.

Ngoài ra, trong các tầng đất của Hoabinhian còn tìm thấy công cụ lưỡi mài, được gọi là “edge-ground tools”. Bên cạnh loại công cụ này, trong cụm di vật còn có công cụ chặt thô như ‘Chopper’ hoặc ‘Chopping Tools’ và mảnh tước để nguyên hình, không có hình dáng nhất định và không có chế biến gì thêm. Một số mảnh tước có dấu vết do sử dụng và sự mòn bóng được thấy rõ trên những vật liệu làm bằng cây cối như gỗ và tre.

Công cụ bằng xương hoặc sừng trong di tích Hoabinhian chiếm số lượng rất ít, và chủ yếu là mũi nhọn và dùi.

Khó phân loại là cụm công cụ bằng đá cuội của văn hóa Sơn Vi chỉ có ở nước Việt Nam. Cụm này rất ít được phát hiện trong các hang động mái đá dưới tầng văn hóa Hòa Bình. Ở một vài trường hợp các hiện tượng di vật đã chứng tỏ rằng có khả năng hai nền văn hóa này tồn tại song song. Cũng có thể di tích Sơn Vi là một nhóm di tích địa phương của Hoabinhian có niên đại sớm hơn.

Sự xác định niên đại của mảnh gốm có văn thừng hoặc hoa văn in xuất hiện nhiều trong lớp trên cùng với công cụ đá văn hóa Hòa Bình cũng là một vấn đề cần phải nghiên cứu. Có thể những mảnh gốm này có niên đại muộn hơn Hoabinhian và đã được phát hiện trong lớp canh tác, cũng có thể mảnh gốm này thuộc vào giai đoạn Hòa Bình muộn.

Phương thức kinh tế chủ đạo của chủ nhân văn hóa Hòa Bình là săn bắn hái lượm hay trồng trọt chưa được giải thích rõ ràng.

Vì không có đủ các loại di vật bằng đá để xác định thời gian theo phương pháp

phân loại hình học, nên cụm Hoabinhian phải được làm bằng phương pháp  $^{14}\text{C}$  một số mẫu than tro hoặc vỏ sò. Một số niên đại rất sớm ( $> 16\ 000$  BP) được làm bằng mẫu vỏ sò không thể xác định được niên đại chính xác như mẫu than tro.

Khoảng thời gian của phức hợp kỹ thuật Hoabinhian không có giới hạn chắc chắn mà tồn tại giữa 16 000 và 6000 năm so với ngày nay.

Khi nghiên cứu sâu những cụm công cụ đá, đồ trang sức và phong tục mai táng, sự phân bố địa lý, loại di tích và niên đại của ‘Hoabinhian’ dẫn đến sự xác định một khái niệm mới. Vì các hiện vật của ‘Hoabinhian’ thời đại đồ đá cũ muộn ở Đông Nam Á hầu như là đồ kỹ thuật và trong lòng đất chỉ tìm thấy công cụ bằng đá, nên khái niệm ‘Hoabinhian’ được xuống cấp từ bậc văn hóa đến bậc kỹ nghệ ‘Hoabinhian’ hoặc phức hợp kỹ thuật ‘Hoabinhian’.

Danh mục các di tích và di vật – đất liền, hải đảo thuộc Đông Nam Á, phức hợp kỹ thuật ‘Hoabinhoid’ thuộc ngoại biên

Trọng tâm của cuốn sách này là một danh mục gồm các di tích vừa bao quát lịch sử nghiên cứu vừa chi tiết các địa điểm cũng như những thông tin về các dấu tích và niên đại.

Việc nghiên cứu tiền sử ở Đông Nam Á được bắt đầu vào năm 1874 với những phát hiện một số di tích thời đại đồ đá mới và thời đại đồ đồng ở Campuchia. “Hoabinhian” cũng là một trung tâm nghiên cứu trong nửa đầu của thế kỷ 20 ở Đông Dương (thời Pháp thuộc là Cochinchina, Tongking, An Nam, Ai Lao và Cao Miên) nay là Việt Nam, Lào, Campuchia.

Trong những năm cuối thập kỷ 20, việc điều tra khảo cổ được tiến hành song song ở Đông Dương và trên hòn đảo Sumatra và bán đảo Mã Lai.

Từ năm 1960, Hoabinhian mới được chứng minh bằng những cuộc khai quật ở Thái Lan và Miến Điện. Phạm vi mở rộng của phức hợp kỹ thuật ‘Hoabinhian’

có thể xác định đó là một vùng trung tâm giới hạn thuộc đất liền ở Đông Nam Á và vài khu vực hải đảo trong phạm vi Đông Nam Á (ví dụ miền Tây Bắc Sumatra).

Ở Việt Nam có hơn 120 địa điểm thuộc loại Hoabinhian. Mật độ tập trung này phản ánh trước hết là những nỗ lực nghiên cứu ở khu vực này, nhưng không có nghĩa là trung tâm của phức hợp kỹ thuật “Hoabinhian”.

Ngoài khu vực trung tâm ‘Hoabinhian’ ở Đông Nam Á đất liền, còn có một số cụm công cụ đá riêng lẻ có đặc điểm ‘Hoabinhoid’ được phát hiện ở Nepal, miền Nam Trung Quốc, Đài Loan và nước Úc. Có nghĩa là, ở một vài khu vực xa trung tâm ‘Hoabinhian’ đã tìm thấy các hiện vật bằng đá có hình dạng giống như cụm ‘Hoabinhian’ về phương diện thời gian. Ở Nepal, hiện vật này là công cụ đá cuội hình bầu dục ghe một mặt giống loại ‘Sumatralith’. Còn ở các địa điểm khảo cổ ở nước Úc vừa có công cụ đá cuội ghe một mặt vừa có công cụ lưỡi mài giống loại ‘edge-ground tools’ và có niên đại như các cụm ‘Hoabinhian’ ở nước Việt Nam. Nhưng vì phần lớn các bộ di vật ngoài vùng trung tâm ‘Hoabinhian’ thiếu loại đa dạng và sự tương quan không được xác định rõ ràng, nên sự xếp chúng thuộc về phức hợp kỹ thuật ‘Hoabinhian’ là một câu hỏi chưa được trả lời.

Hoabinhian – Công nghệ chế tạo công cụ đá

Việc mô tả công nghệ chế tạo công cụ đá là một nhiệm vụ quan trọng để tạo dựng

lại sự sống thời đại đồ đá cũ. Những công cụ đá này là sản phẩm cuối cùng của một quá trình thay đổi nguyên liệu khá phức tạp nhưng cũng có lợi cho việc phân tích các bước chế tạo kỹ thuật ghe đẽo.

Nhờ một hệ thống ghi hình và phân tích đặc điểm, các bộ công cụ đá của hai hang Moh Khiew (miền Nam Thái Lan) và Xóm Trại (miền Bắc Việt Nam) đã được phân tích. Trong đó, các loại nguyên liệu, đặc điểm kỹ thuật ghe đẽo và kích thước của các bộ hiện vật đã được so sánh với nhau.

Điều lý thú hơn nữa là bên cạnh Jatpe, các nguyên liệu thô có dạng hạt thô hơn như phiến nham siliceous, ba dan và andezit cũng chiếm một vị trí nhất định trong toàn bộ vật liệu thô.

Kết quả sự phân tích công cụ đá là cả hai bộ hiện vật của hai địa điểm đều hầu như là bộ đồ ghe đẽo.

Sự tạo hình thứ hai bằng kỹ thuật tu chỉnh ép thực hiện ngoại lệ. Các hòn cuội ghe có nhiều vết ghe chứng minh rằng con người của phức hợp kỹ thuật ‘Hoabinhian’ phần lớn dùng một phương pháp kỹ thuật ghe đẽo trực tiếp và mạnh.

Các loại công cụ của phức hợp kỹ thuật ‘Hoabinhian’ là những hạch, công cụ đã được ghe đẽo một mặt và hai mặt, công cụ đá cuội và hiện vật mài mép. Chỉ những công cụ cuội hoặc mảnh tước đã được ghe đẽo trên một mặt và hai mặt mới có thể phân loại được. Nhưng sự phân loại này không thể xác định được sự phát triển niên đại.

Kết thúc chương này là bảng danh mục và sự miêu tả các loại hiện vật và hình dạng công cụ của phức hợp kỹ thuật ‘Hoabinhian’.